

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08/6/2020

*“V/v Không công nhận quan hệ
vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quynh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Đệ và bà Lê Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2020/TLST - HNGĐ ngày 25/5/2020 về việc: "Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Quốc V, sinh năm: 19xx; ĐKKHKT tại: Tổ xx, khu xx, phường C1, thành phố T1, tỉnh T2 – Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm: 19xx; ĐKKHKT tại: Tổ xx, khu Q, phường Đ, thành phố P, tỉnh N – Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2020, lời tự khai và đơn xin xử án vắng mặt, nguyên đơn ông Phan Quốc V đều trình bày: Ông và bà Bùi Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1979 nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của ông bà bình thường được hai năm thì đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra bất đồng, không thống nhất được vấn đề gì trong cuộc sống. Sau nhiều lần mâu thuẫn, ông và bà N đã bình tĩnh nói chuyện nhưng cả hai vẫn không tìm được tiếng nói chung và mâu thuẫn ngày càng trở lên căng thẳng, trầm trọng hơn, ông bà không còn tình cảm dành cho nhau nên đã không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ năm 1981 ông đã về quê ở tỉnh T2 để sinh sống và lập gia đình riêng ở đó, ông và bà N không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Để quan hệ tình cảm được rõ ràng và để ổn định cuộc sống, ông đề nghị Tòa án giải quyết để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà N.

+ Về con chung: Ông và bà Bùi Thị N có 01 con chung là Phan Thị H1 – sinh ngày xx/x/19xx. Trong sổ hộ khẩu của bà N có khai nhằm họ của con ông bà là

Phạm Thị H1, hiện nay con chung của ông bà đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

+ Về tài sản và công nợ chung: Không có.

* Tại lời tự khai, tại đơn xin xử án vắng mặt bị đơn bà Bùi Thị N trình bày: Bà và ông Phan Quốc V về chung sống với nhau từ năm 1979 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà chung sống với nhau được hai năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên thường xảy ra bất đồng, ông bà không thống nhất được với nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống và đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ năm 1981 ông V đã về quê ở tỉnh T2 để sinh sống, ông bà không còn tình cảm nên không liên lạc với nhau nữa. Cả hai ông bà đều đã có cuộc sống riêng yên ổn nên ông V đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng bà hoàn toàn nhất trí. Trong quá trình sống chung ông bà có 01 con chung đúng như ông V đã khai. Về tài sản và công nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Phan Quốc V và bị đơn – bà Bùi Thị N đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đều có đơn xin xử án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Phan Quốc V và bà Bùi Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1979 nhưng không đi đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong quá trình chung sống tính cách của ông bà không hợp nhau, không bàn bạc được vấn đề gì đi đến thống nhất, ông bà cũng đã tìm cách nói chuyện với nhau nhưng không khắc phục được. Do không thể chung sống lâu dài với nhau nên năm 1981 ông V đã về quê ở tỉnh T2 để ở và kết hôn hợp pháp với người phụ nữ khác và có cuộc sống riêng, ông bà không gặp lại nhau từ thời gian đó, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay để ổn định cuộc sống của hai bên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận nhận ông và bà N là vợ chồng, bà N cũng chấp nhận đề nghị của ông V. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V và bà N.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, ông V và bà N có 01 con chung là là Phan Thị H1 – sinh ngày xx/x/19xx. Trong sổ hộ khẩu của bà N có khai nhằm họ của con ông bà là Phạm Thị H1, hiện nay con chung của ông bà đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh.

Về tài sản và công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Ông Phan Quốc V là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Quốc V và bà Bùi Thị N.

2. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình cho ông Phan Quốc V. Trả lại cho ông V số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0005xxx nộp ngày 24/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- Các đương sự;
- L- u HSVA – VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Quỳnh

